

Q1 ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị Q1 số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Căn cứ vào biên hoà giải thành ngày 04 tháng 9 năm 2019 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải Q1 vụ án dân sự thụ lý số: 33/2019/TLST-KDTM ngày 20 tháng 6 năm 2019.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải Q1 toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

Q1 ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A**

Địa chỉ: Số 442 Nguyễn Thị Minh Khai, phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức Q - Nhân viên xử lý nợ

*** Bị đơn: Công ty cổ phần T**

Địa chỉ: Ô số 01, lô số B14, khu đô thị cột 5 - cột 8, tổ 7, khu 4, phường H1, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Văn Tr - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông **Trần Văn Tr**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn 4, xã P, thành phố P1, tỉnh Hà Nam

- Bà **Nguyễn Thị T1**, sinh năm 1986

Địa chỉ: Thôn 4, xã P, thành phố P1, tỉnh Hà Nam

- Ông **Nguyễn Văn T2**, sinh năm 1961

Địa chỉ: Xóm 10, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T1

- Bà **Đinh Thị N**, sinh năm 1961

Địa chỉ: Xóm 10, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T1

- Anh **Nguyễn Văn Q1**, sinh năm 1992

Địa chỉ: Xóm 10, xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Tr

- Bà **Nguyễn Thị T3**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Nhà 12, A4, tập thể Pin, thị trấn V, huyện T4, Tp Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T1

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ngân hàng TMCP A đã cho Công ty cổ phần T vay và giải ngân theo:

2.1.1. Hợp đồng cấp tín dụng trung hạn số HHA.DN.01160813/TH ngày 20/8/2013 và Khế ước nhận nợ số 01 (số tài khoản: 164748409) ngày 20/8/2013 là: 320.000.000đ (*Ba trăm hai mươi triệu đồng*)

2.1.2. Hợp đồng cấp tín dụng số HHA.DN.782.270815/CTDHM ngày 28/8/2015; Phụ lục hợp đồng số HHA.DN.782.270815/PL-01 ngày 28/8/2015 và Khế ước nhận nợ số 06 (Số tài khoản: 217329219) ngày 01/6/2016 là: 190.000.000đ (*Một trăm chín mươi triệu đồng*)

2.1.3. Hợp đồng cấp tín dụng số HHA.DN.782.270815/CTDHM ngày 28/8/2015; Phụ lục hợp đồng số HHA.DN.782.270815/PL-01 ngày 28/8/2015 và Khế ước nhận nợ số 07 (Số tài khoản: 222247329) ngày 26/8/2016 là: 176.000.000đ (*Một trăm bảy mươi sáu triệu đồng*)

2.1.4. Hợp đồng cấp tín dụng số HHA.DN.673.131016 ngày 14/10/2016; Phụ lục hợp đồng số HHA.DN.673.131016/PL-01 ngày 14/10/2016 và Khế ước nhận nợ số 01 (Số tài khoản: 225096579) ngày 14/10/2016 là: 500.000.000đ (*Năm trăm triệu đồng*).

Tổng tiền vay: 1.186.000.000đ (*Một tỷ một trăm tám mươi sáu triệu đồng*)

2.2. Tính đến hết ngày 04/9/2019 Công ty cổ phần T còn nợ Ngân hàng TMCP A tổng số tiền là 1.193.702.730đ (*Một tỷ, một trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm linh hai nghìn, bảy trăm ba mươi đồng*). Trong đó: Tổng nợ gốc là: 776.442.000đ; Tổng nợ lãi là: 415.173.135đ (trong đó: tổng lãi trong hạn là 53.139.560đ; tổng lãi quá hạn là 362.033.575đ); Tổng phạt chậm trả lãi: 2.087.595đ

2.3. Hai bên thống nhất phương án trả nợ như sau:

Công ty cổ phần T trả nợ cho Ngân hàng TMCP A vào ngày cuối cùng tháng dương lịch theo lịch trình như sau:

- Tháng 9/2019: trả 20.000.000đ;
- Tháng 10/2019: trả 20.000.000đ;
- Tháng 11/2019: trả 40.000.000đ;
- Tháng 12/2019: trả 20.000.000đ;
- Tháng 01/2020: trả 20.000.000đ;
- Tháng 02/2020: trả 40.000.000đ;
- Tháng 3/2020: trả 20.000.000đ;
- Tháng 4/2020: trả 20.000.000đ;
- Tháng 5/2020: trả 40.000.000đ;
- Tháng 6/2020: trả 20.000.000đ;
- Tháng 7/2020: trả 20.000.000đ;
- Tháng 8/2020: trả 40.000.000đ;
- Tháng 9/2020: trả 20.000.000đ;
- Tháng 10/2020: trả 20.000.000đ;

Chậm nhất đến ngày 30/11/2020 Công ty cổ phần T sẽ trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, phạt chậm trả tính đến ngày 04/9/2019 là 1.193.702.730đ (*Một tỷ, một trăm chín mươi ba triệu, bảy trăm linh hai nghìn, bảy trăm ba mươi đồng*) và tiền lãi phát

sinh từ ngày 05/9/2019 cho đến khi trả xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng TMCP A. Ngân hàng TMCP A có trách nhiệm giải chấp toàn bộ tài sản thế chấp gồm:

- Thửa số 190, tờ bản đồ PL6 tại thôn 4, xã P, Thị xã P1, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 567277, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất H00457 do UBND Thị xã P1 - tỉnh Hà Nam cấp ngày 03/7/2006 cho hộ ông Trần Văn Tr.

- Thửa số 261, tờ bản đồ PL11 tại xã Đ, huyện K, tỉnh Hà Nam theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X570965 vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00502 QSDĐ/984/QĐ-UB(H), do UBND huyện K cấp ngày 26/8/2003 cho hộ ông Nguyễn Văn T2.

Trường hợp Công ty cổ phần T không trả được toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và phạt chậm trả hoặc thực hiện không đúng phương án trả nợ đã cam kết thì tại thời điểm vi phạm Ngân hàng TMCP A có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm nêu trên của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để thu hồi nợ.

Trường hợp tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho thì Công ty cổ phần T phải tiếp tục trả số tiền còn thiếu cho Ngân hàng TMCP A.

2.4. Về án phí: Công ty cổ phần T phải chịu 23.906.000đ (*Hai mươi ba triệu, chín trăm lẻ sáu nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP A 25.036.000đ (*Hai mươi lăm triệu, không trăm ba mươi sáu nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp ngày 19/6/2019 theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001164 của Chi cục Thi hành án dân sự Tp H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Đương sự;
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND, Chi cục THADS Tp H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thanh Tâm

